

Bản án số: 06/2018/HNGĐ – ST
Ngày 29 - 3 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hương Nghĩa.

Ông Nguyễn Đức Tiến.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2017/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975

Cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972

Cư trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 5 năm 2004, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình anh Đ ở thôn L, xã B, huyện B được khoảng 6 tháng thì chị và anh Đ chuyển về thôn B, mở cửa hàng cho chị kinh doanh còn anh Đ làm nghề lái xe. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ thường xuyên uống rượu say về đánh đập chị, chửi bới vợ con. Chị phải một mình nuôi các cháu mà không có sự chia sẻ, giúp đỡ của anh Đ, hàng tháng anh Đ mới về nhà một lần không có thời gian quan tâm đến chị và các con. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã B để ở và thỉnh thoảng đến thăm các con. Đầu năm 2017 chị đã có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án xin ly hôn với anh Đ, nhưng sau đó anh Đ có xin lỗi chị và vì các con chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh Đ không thay đổi được. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nên chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2006 và cháu Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2009 hiện nay hai cháu đang ở với chị; ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Chị không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Đ nhưng anh Đ đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương xã B cho biết: Anh Đ có hộ khẩu và đang sinh sống cùng gia đình ở thôn L, xã B, tuy nhiên anh Đ thường hay đi làm và thỉnh thoảng có về thôn B, xã B sống cùng chị N. Giữa anh Đ và chị N có xảy ra mâu thuẫn tuy nhiên nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được, hiện nay anh Đ và chị N sinh được 02 người con chung như chị N trình bày tại Tòa. Nay chị N

xin ly hôn với anh Đ địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại xã Đ cho biết: Chị N và các cháu hiện nay đang sinh sống tại Thôn B, xã Đ, chị N có nhà, có đất ở ổn định và là người chăm sóc trực tiếp các cháu từ trước tới nay, chị N làm nghề thợ ảnh có thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc các cháu. Anh Đ là người có hộ Khẩu tại xã B, tuy nhiên vị trí địa lý giữa thôn L và thôn B gần nhau nên anh Đ vẫn đi về hai nơi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, anh Đ là bị đơn đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ không lên Tòa trình bày quan điểm do đó anh Đ tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ; về con chung giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2006 và cháu Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2009, khi nào anh Đ có nguyện vọng yêu cầu thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn Tòa án sẽ xem xét bằng một vụ án khác. Anh Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ, do đó đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

Đối với anh Đ quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp

lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị N và anh Đ là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị N và anh Đ thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh Đ có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị N trình bày vợ chồng tính tình không hợp nhau, mặt khác anh Đ thường xuyên uống rượu say về nhà đánh đập chị, anh Đ không quan tâm đến chị và các con. Chị và anh Đ đã hòa giải và động viên nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau trong thời gian dài, chị đã có lần nộp đơn xin ly hôn với anh Đ tuy nhiên vì các con và muốn cho anh Đ có cơ hội sửa chữa vì vậy chị đã rút đơn nhưng đều không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có mặt để trình bày ý kiến về mâu thuẫn hay xin đoàn tụ, không có ý kiến gì về việc nuôi con, mặt khác quá trình làm việc Tòa án lấy lời khai con chung theo quy định các cháu đều có nguyện vọng ở với chị N và các cháu cũng có biết việc anh Đ đánh chị N. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2006 và cháu Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2009, hiện nay cháu đang ở với chị N, chị N là người trực tiếp chăm sóc các cháu từ trước đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con. Chị N tự nguyện xin được nuôi cả hai cháu và cam kết chăm sóc các cháu tốt, nguyện vọng của các cháu cũng muốn ở với chị N. Do đó giao hai cháu Thư và Anh cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị N không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu có tài sản và các đương sự có đề nghị thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2006 và cháu Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002375 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện B.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Phú Xuân;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng